

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH
BẾN THÀNH
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017



CÔNG TY CP DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 82 – 84 Calmette, P. Nguyễn Thái Bình,
Quận 01, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 41

336
ÔN
TN
TOÁN
(VII)
P H

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH
VÀ CÔNG TY CON**

82 – 84 Calmette, P. Nguyễn Thái Bình,
Quận 01, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du Lịch Bến Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Châu	Chủ tịch
Ông Hoàng Tâm Hoà	Thành viên
Ông Vũ Đình Quân	Thành viên
Ông Đặng Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Phước Bảo Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên
Ông Phan Quang Chát	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Minh Hùng	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 05 năm 2017)
Bà Hà Thị Minh Phượng	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 05 năm 2017)
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 05 năm 2017)
Ông Thái Minh Duy	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 05 năm 2017)
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 05 năm 2017)
Ông Vương Anh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 05 năm 2017)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Đình Quân	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Thi Thanh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ kèm theo, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Vũ Đình Quân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2017

Số: 18.142/BCSXHN-RSM HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du Lịch Bến Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 28 tháng 08 năm 2017, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Nhóm công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Nhóm công ty đã phân bổ dần vào chi phí kinh doanh giá trị lợi thế kinh doanh khi doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần trong thời gian 20 năm thay vì phải phân bổ trong thời gian không quá 10 năm theo hướng dẫn của Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 về Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Các tài liệu tại Nhóm công ty cho thấy, nếu giá trị lợi thế kinh doanh này được phân bổ trong thời gian 10 năm thì khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2017 sẽ giảm đi lần lượt là 4,37 tỷ VND và 3,5 tỷ VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017,

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” sẽ tăng 0,87 tỷ VND, chỉ tiêu “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” sẽ giảm đi tương ứng là 0,17 tỷ VND và 0,7 tỷ VND. Và như vậy, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” kỳ này sẽ là 14,22 tỷ VND.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành và công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 11 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó trình bày việc Nhóm công ty có thuê các mặt bằng của Nhà nước để kinh doanh dịch vụ và đang ghi nhận nghĩa vụ phải trả tiền thuê đất theo thông báo của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ liên quan đến tiền thuê đất được xác định theo đơn giá thuê đất được quy định tại Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2014 của UBND TP. Hồ Chí Minh về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước và Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của UBND TP. Hồ Chí Minh quy định về giá đất trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh do Ban Tổng Giám đốc chưa có thông tin để xác định một cách đáng tin cậy giá trị của nghĩa vụ nợ của các khu đất mà Nhóm công ty đang thuê. Ý kiến ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Lục Thị Vân
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2013-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2017

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH
VÀ CÔNG TY CON**

82 – 84 Calmette, P. Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Mẫu số B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		188.132.143.926	137.640.802.603
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	54.959.520.354	77.676.298.776
1. Tiền	111		16.553.520.354	27.376.298.776
2. Các khoản tương đương tiền	112		38.406.000.000	50.300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		532.691.290	515.239.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		532.691.290	515.239.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.174.438.614	33.246.475.427
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	54.784.767.411	23.724.738.119
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	25.970.378.700	6.287.942.727
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	6.727.640.312	3.542.142.390
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(308.347.809)	(308.347.809)
IV. Hàng tồn kho	140		42.687.952.108	24.482.126.676
1. Hàng tồn kho	141	4.6	42.687.952.108	24.482.126.676
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.777.541.560	1.720.662.724
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	2.777.541.560	1.720.662.724
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		254.145.139.452	258.316.582.336
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.109.965.000	1.043.965.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	1.109.965.000	1.043.965.000
II. Tài sản cố định	220		75.165.518.376	76.677.267.320
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	73.456.476.414	74.793.404.548
Nguyên giá	222		147.580.612.291	145.313.199.221
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.124.135.877)	(70.519.794.673)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.709.041.962	1.883.862.772
Nguyên giá	228		2.934.978.044	3.096.623.044
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.225.936.082)	(1.212.760.272)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.9	25.838.767.961	26.502.869.794
Nguyên giá	231		43.654.651.828	43.654.651.828
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(17.815.883.867)	(17.151.782.034)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		109.042.493	1.603.279.571
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		109.042.493	1.603.279.571
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	103.648.624.967	101.523.076.448
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		92.939.193.469	90.813.644.950
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.709.431.498	10.709.431.498
VI. Tài sản dài hạn khác	260		48.273.220.655	50.966.124.203
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	40.857.879.033	43.133.016.856
2. Lợi thế thương mại	269	4.11	7.415.341.622	7.833.107.347
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		442.277.283.378	395.957.384.939

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH
VÀ CÔNG TY CON**

82 – 84 Calmette, P. Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Mẫu số B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		172.252.667.349	140.335.379.085
I. Nợ ngắn hạn	310		142.686.452.857	109.260.782.857
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	16.867.157.064	8.939.008.489
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	51.680.389.295	16.022.678.118
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	4.985.867.282	4.637.265.501
4. Phải trả người lao động	314		2.096.492.564	7.930.187.750
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	6.489.767.751	2.458.408.729
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	2.836.108.035	5.800.794.267
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	25.009.809.522	24.702.225.824
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	28.261.342.790	36.475.821.750
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.769.781.283	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.689.737.271	2.294.392.429
II. Nợ dài hạn	330		29.566.214.492	31.074.596.228
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.16	15.351.049.870	15.854.362.978
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.17	10.032.109.788	10.069.417.250
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.18	3.863.112.000	5.150.816.000
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		319.942.834	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		270.024.616.029	255.622.005.854
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19	270.024.616.029	255.622.005.854
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.19.2	250.000.000.000	250.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.000.000.000	250.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(466.200.000)	(304.500.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.151.241.214	3.191.307.712
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.339.574.815	2.735.198.142
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		2.735.274.626	716.816.287
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.604.300.189	2.018.381.855
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		442.277.283.378	395.957.384.939



Vũ Đình Quân
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Kế toán trưởng

Đường Ngọc Hương
Người lập

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH
VÀ CÔNG TY CON**

82 – 84 Calmette, P. Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Mẫu số B 02a - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	355.306.767.698	296.739.261.812
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	2.674.156.097	3.167.400.178
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		352.632.611.601	293.571.861.634
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	293.858.886.998	242.862.959.245
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.773.724.603	50.708.902.389
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	1.360.963.734	1.622.335.337
7. Chi phí tài chính	22	5.5	1.240.590.567	1.814.116.267
Trong đó, chi phí lãi vay	23		1.135.113.306	962.316.089
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		2.470.437.002	1.842.313.086
9. Chi phí bán hàng	25	5.6	19.931.664.731	19.151.399.966
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	22.786.113.973	20.535.892.479
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.646.756.068	12.672.142.100
12. Thu nhập khác	31		377.375.834	847.617.365
13. Chi phí khác	32		535.387.845	289.265.504
14. Lợi nhuận khác	40		(158.012.011)	558.351.861
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.488.744.057	13.230.493.961
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	3.253.247.406	2.392.420.869
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		319.942.834	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.915.553.817	10.838.073.092
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		14.915.553.817	10.838.073.092
22. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	71	4.19.4	518	390



Vũ Đình Quân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Kế toán trưởng

Đường Ngọc Hương
Người lập

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH
VÀ CÔNG TY CON**

82 – 84 Calmette, P. Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Mẫu số B 03a - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.488.744.057	13.230.493.961
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	4.534.453.777	4.460.712.493
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.455.407.124)	(2.633.935.290)
Chi phí lãi vay	06	5.5	1.135.113.306	962.316.089
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		20.702.904.016	16.019.587.253
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(49.625.804.084)	(14.090.151.210)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(18.205.825.432)	(12.813.195.863)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		37.574.030.875	25.518.354.029
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.636.024.712	(5.658.575.158)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.135.113.306)	(962.316.089)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(3.046.317.611)	(4.709.534.348)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		10.000.000	15.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(676.724.800)	(1.650.276.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.766.825.630)	1.668.892.614
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.597.526.147)	(3.551.615.494)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	10.909.091
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(14.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.312.406.315	2.219.135.483
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(285.119.832)	(15.321.570.920)

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH
VÀ CÔNG TY CON**

82 – 84 Calmette, P. Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Mẫu số B 03a - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(161.700.000)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	39.999.764.300	31.626.078.504
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(49.501.947.260)	(18.510.935.060)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(950.000)	(3.625.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.664.832.960)	9.490.143.444
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		(22.716.778.422)	(4.162.534.862)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		77.676.298.776	30.782.666.065
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	54.959.520.354	26.620.131.203



Vũ Đình Quân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Kế toán trưởng

Đường Ngọc Hương
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 27 tháng 10 năm 2014, Chủ tịch UBND TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 5288/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành (thuộc Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV) thành công ty cổ phần. Ngày 03 tháng 03 năm 2015, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 030117827 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 27 tháng 06 năm 2016.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng theo văn bản số 3075/UBCK-QLPH ngày 10 tháng 06 năm 2015.

Vốn đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 250.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	Việt Nam	122.500.000.000	49,00	122.500.000.000	49,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	Việt Nam	59.323.500.000	23,73	59.323.500.000	23,73
Các nhà đầu tư khác		68.176.500.000	27,27	68.176.500.000	27,27
Cộng		250.000.000.000	100,00	250.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là “Nhóm công ty”).

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2017 gồm:

Tên	Địa chỉ
1. Trung tâm Lữ hành Sài Gòn	70 Lý Tự Trọng, P. Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
2. Khách sạn Viễn Đông	275A Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
3. Khách sạn Ngân Hà	190 Lê Thánh Tôn, P. Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
4. Nhà hàng Tự Do	58 Hồ Hảo Hớn, P. Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
5. Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	42 Lò Đúc, P. Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
6. Chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng	214 Nguyễn Văn Linh, P. Thạc Gián, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
7. Chi nhánh Công ty tại Cần Thơ	16 Trần Hưng Đạo, P. An Nghiệp, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 30/06/2017 là 346 (31/12/2016 là: 346).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Điều hành tua du lịch; chi tiết: kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa và quốc tế;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; chi tiết: kinh doanh nhà hàng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; chi tiết: kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; chi tiết: cho thuê văn phòng, quầy, sạp, cửa hàng kinh doanh; đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà; cho thuê kho bãi; kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; chi tiết: đại lý vé tàu hỏa, bán vé máy bay; môi giới vận tải; dịch vụ nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; chi tiết: mua bán hóa chất (trừ dược phẩm, thuốc trừ sâu; hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, hóa chất có tính độc hại mạnh và không buôn bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, phi kim loại tại trụ sở)

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

1.5. Công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp là Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan với tỷ lệ quyền biểu quyết cũng là tỷ lệ lợi ích là 100%. Trụ sở của công ty con được đặt tại số 180A Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

1.6. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên công ty liên kết	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1.	Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	4-6-8 Hồ Huân Nghiệp, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	30%	30%
2.	Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	9 Ngô Quyền, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên -Huế	43,33%	43,33%
3.	Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành	9 Đường số 32, P. 6, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	26,09%	26,09%
4.	Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng	28 Lê Lợi, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

Phương pháp xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ

Tại thời điểm nắm quyền kiểm soát công ty con, lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là khoản chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của những tài sản thuần có thể xác định của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ dần đều không quá 10 năm vào chi phí trong kết quả kinh doanh hợp nhất. Lãi từ giao dịch mua rẻ được ghi nhận là thu nhập khác khi phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30/06/2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Nhóm công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Nhóm công ty trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Nhóm công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Nhóm công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho nhóm nhà cửa, vật kiến trúc là 49 năm.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và lợi thế kinh doanh. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ từ 01 năm đến 03 năm;
- Lợi thế kinh doanh phát sinh khi doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần được phân bổ trong thời gian 20 năm.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện chủ yếu bao gồm doanh thu nhận trước tiền cho thuê bất động sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Nhóm công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam

3.14. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhóm công ty trong công ty liên doanh liên kết.

3.15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.18. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20 %.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	240.814.765	784.048.178
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.296.457.709	26.592.250.598
Tiền đang chuyển	16.247.880	-
Các khoản tương đương tiền	38.406.000.000	50.300.000.000
Cộng	54.959.520.354	77.676.298.776

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 4,8%/năm đến 5%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND			Tại ngày 01/01/2017 VND		
	Giá gốc	Tăng/giảm trong năm	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Tăng/giảm trong năm	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique (a)	63.000.000.000	(1.287.452.143)	61.712.547.857	63.000.000.000	(1.345.994.580)	61.654.005.420
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân (b)	24.278.147.833	1.775.463.347	26.053.611.180	24.278.147.833	156.521.753	24.434.669.586
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành (c)	3.896.248.602	(299.714.170)	3.596.534.432	3.896.248.602	(732.478.658)	3.163.769.944
Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng (d)	1.561.200.000	15.300.000	1.576.500.000	1.561.200.000	-	1.561.200.000
Cộng	92.735.596.435	203.597.034	92.939.193.469	92.735.596.435	(1.921.951.485)	90.813.644.950

(a) Khoản đầu tư này tương đương với 30% quyền sở hữu Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Hiện nay, Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique vẫn đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản.

(b) Khoản đầu tư này tương đương với 43,33% quyền sở hữu Công ty TNHH Du lịch Bến Thành Phú Xuân, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

(c) Khoản đầu tư này tương đương với 26,09% quyền sở hữu Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là hoạt động kinh doanh thương mại các loại hóa chất, bột màu, mực in.

(d) Khoản đầu tư này tương đương với 30,00% quyền sở hữu Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là bán buôn, bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh, chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa, sản xuất các loại bánh từ bột.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND			Tại ngày 01/01/2017 VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần						
Du lịch Huế	7.182.926.938	-	(*)	7.182.926.938	-	(*)
Công ty Cổ phần Bến Thành						
Mũi Né	3.212.944.560	-	(*)	3.212.944.560	-	(*)
Công ty Cổ phần Khách sạn						
Du lịch Tháng Mười	313.560.000	-	(*)	313.560.000	-	(*)
Cộng	10.709.431.498	-		10.709.431.498	-	

(*) Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	7.059.477.930	2.603.963.670
Các khách hàng khác	47.725.289.481	21.120.774.449
Cộng	54.784.767.411	23.724.738.119

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	200.000	200.000
Các nhà cung cấp khác	25.970.178.700	6.287.742.727
Cộng	25.970.378.700	6.287.942.727

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tạm ứng cho nhân viên	5.732.912.040	1.174.742.867
Phải thu về ứng vốn xây dựng Khách sạn Bến Thành		
Đồng Khởi Boutique – Xem thêm mục 8	339.224.370	339.224.370
Phải thu cổ tức được chia – Xem thêm mục 8	-	1.624.988.000
Phải thu khác	655.503.902	403.187.153
Cộng	6.727.640.312	3.542.142.390

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	199.199.842	-	233.356.689	-
Công cụ, dụng cụ	1.784.094.377	-	1.888.074.170	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.586.924.084	-	6.756.034.371	-
Hàng hóa	14.117.733.805	-	15.604.661.446	-
Cộng	42.687.952.108	-	24.482.126.676	-

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí của các tour du lịch đang thực hiện.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2017	125.632.271.444	13.870.642.663	1.886.089.435	3.924.195.679	145.313.199.221
Mua trong kỳ	-	-	2.187.448.000	131.155.000	2.318.603.000
Giảm khác	-	-	-	(51.189.930)	(51.189.930)
Tại ngày 30/06/2017	125.632.271.444	13.870.642.663	4.073.537.435	4.004.160.749	147.580.612.291
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2017	57.120.142.598	9.659.452.353	881.753.407	2.858.446.315	70.519.794.673
Khấu hao trong kỳ	2.583.182.184	598.654.272	202.023.480	271.671.198	3.655.531.134
Giảm khác	-	-	-	(51.189.930)	(51.189.930)
Tại ngày 30/06/2017	59.703.324.782	10.258.106.625	1.083.776.887	3.078.927.583	74.124.135.877
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2017	68.512.128.846	4.211.190.310	1.004.336.028	1.065.749.364	74.793.404.548
Tại ngày 30/06/2017	65.928.946.662	3.612.536.038	2.989.760.548	925.233.166	73.456.476.414

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2017 của TSCĐ hữu hình với số tiền là 12.324.230.002 VND đã dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.18.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.528.947.669 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phần mềm máy tính				
Nguyên giá	2.934.978.044	40.000.000	(201.645.000)	3.096.623.044
Giá trị hao mòn lũy kế	(1.225.936.082)	(214.820.810)	201.645.000	(1.212.760.272)
Giá trị còn lại	1.709.041.962			1.883.862.772

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 524.295.000 VND.

4.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Nhà cửa, vật kiến trúc				
Nguyên giá	43.654.651.828	-	-	43.654.651.828
Giá trị hao mòn lũy kế	(17.815.883.867)	(664.101.833)	-	(17.151.782.034)
Giá trị còn lại	25.838.767.961			26.502.869.794

Tại ngày báo cáo, Nhóm công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.10. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	398.889.820	277.295.698
Các khoản khác	2.378.651.740	1.443.367.026
Cộng	2.777.541.560	1.720.662.724
Dài hạn:		
Lợi thế kinh doanh (*)	30.591.764.804	31.465.815.233
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	6.515.707.270	6.815.874.317
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.284.960.807	4.165.533.092
Các khoản khác	465.446.152	685.794.214
Cộng	40.857.879.033	43.133.016.856

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(*) Lợi thế kinh doanh phát sinh sau khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước được Công ty ghi nhận và phân bổ trong thời gian 20 năm.

4.11. Lợi thế thương mại

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Đầu kỳ	7.833.107.347	-
Phát sinh từ việc mua công ty con trong kỳ	-	8.355.314.503
Đã phân bổ trong kỳ	(417.765.725)	(522.207.156)
Cuối kỳ	7.415.341.622	7.833.107.347

4.12. Phải trả người bán

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán:				
Tổng công ty Hàng Không Việt Nam	3.851.624.148	3.851.624.148	2.526.689.152	2.526.689.152
Tập đoàn quốc tế Hanatour	2.546.369.460	2.546.369.460	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	10.469.163.456	10.469.163.456	6.290.140.246	6.290.140.246
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	-	-	122.179.091	122.179.091
Cộng	16.867.157.064	16.867.157.064	8.939.008.489	8.939.008.489

4.13. Người mua trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Người mua trả tiền trước:		
Công ty 4 Oranges Co., Ltd	2.927.400.000	5.389.470.000
Công ty TNHH Phát Triển Bất Động Sản Ấn Độ	10.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ CHUBB Việt Nam	6.694.183.037	50.000.000
Các khách hàng khác	31.234.044.258	8.451.208.118
Người mua trả tiền trước là bên liên quan – Xem thêm mục 8	824.762.000	132.000.000
Cộng	51.680.389.295	16.022.678.118

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	Tại ngày 30/06/2017 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.237.457.369	8.917.908.824	9.007.098.108	1.326.646.653
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.068.949.877	3.460.955.406	3.046.317.611	1.654.312.082
Thuế thu nhập cá nhân	118.911.937	513.281.644	583.207.690	188.837.983
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.467.468.783	76.557.755	76.557.755	1.467.468.783
Các loại thuế khác	93.079.316	161.094.859	68.015.543	-
Cộng	4.985.867.282	13.129.798.488	12.781.196.707	4.637.265.501

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trích trước chi phí phải trả cho hoạt động lữ hành	2.200.334.223	579.803.343
Trích trước tiền thuê đất	2.698.275.887	1.263.473.492
Các khoản trích trước khác	1.591.157.641	615.131.894
Cộng	6.489.767.751	2.458.408.729

4.16. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Doanh thu tour nhận trước	1.785.845.457	4.573.072.235
Các doanh thu chưa thực hiện khác	1.050.262.578	1.227.722.032
Cộng	2.836.108.035	5.800.794.267

Dài hạn:		
Nhận trước tiền cho thuê bất động sản (*)	15.351.049.870	15.854.362.978

(*) Là khoản tiền thuê dài hạn nhận trước của Công ty Cổ phần Du lịch Tiến Lợi về việc thuê Tòa nhà văn phòng tại số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2033.

4.17. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	15.109.155.000	15.110.105.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.655.286.300	8.795.629.818
Phải trả khác cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	-	17.172.210
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.245.368.222	779.318.796
Cộng	25.009.809.522	24.702.225.824
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.032.109.788	10.069.417.250

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.18. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	28.261.342.790	28.261.342.790	43.486.354.203	51.700.833.163	36.475.821.750	36.475.821.750
Dài hạn	3.863.112.000	3.863.112.000	-	1.287.704.000	5.150.816.000	5.150.816.000
Cộng	32.124.454.790	32.124.454.790	43.486.354.203	52.988.537.163	41.626.637.750	41.626.637.750

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND	
Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	7,2%/năm	2.230.298.460	12.257.996.215	(a)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	7%/năm	23.455.636.330	21.642.417.535	(b)
Vay dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	10%/năm - 10,5%/năm	2.575.408.000	2.575.408.000	(c)
Cộng			28.261.342.790	36.475.821.750	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Năm đáo hạn	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vay dài hạn					
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	10%/năm - 10,5%/năm	2019	3.863.112.000	5.150.816.000 (c)

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

Các hợp đồng tại mục (a),(b) là các khoản vay tín chấp và không có tài sản đảm bảo.

(c) là khoản vay được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn đối ứng là công trình xây dựng trụ sở văn phòng tại số 82-84 Calmette, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh;
- Tất cả quyền sở hữu và lợi ích liên quan đến tài sản, kể cả quyền hợp đồng và quyền nhận tiền bảo hiểm của tài sản;
- Phần giá trị gia tăng đầu tư thêm gắn liền với tài sản, kể cả công trình, bộ phận được xây dựng thêm, nâng cấp, cải tạo, được mua gắn liền hoặc tọa lạc tại công trình xây dựng trụ sở văn phòng tại số 82-84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh;
- Giá trị còn lại của các tài sản đảm bảo cho khoản vay là 12.324.230.002 VND - Xem thêm mục 4.7.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.19. Vốn chủ sở hữu

4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2016	250.000.000.000	-	-	18.013.723.913	268.013.723.913
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	10.838.073.092	10.838.073.092
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.351.029.293	(1.351.029.293)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.351.029.293)	(1.351.029.293)
Điều chỉnh các công ty liên kết	-	-	-	(1.834.005.195)	(1.834.005.195)
Chia cổ tức	-	-	-	(12.500.000.000)	(12.500.000.000)
Tăng khác	-	-	-	306.730.985	306.730.985
Giảm khác	-	-	-	(911.668.848)	(911.668.848)
Số dư tại ngày 30/06/2016	250.000.000.000	-	1.351.029.293	11.210.795.361	262.561.824.654
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	12.041.628.228	12.041.628.228
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.840.278.419	(1.840.278.419)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.077.243.961)	(2.077.243.961)
Điều chỉnh các công ty liên kết	-	-	-	35.512.200	35.512.200
Mua cổ phiếu quỹ	-	(304.500.000)	-	-	(304.500.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(1.635.215.267)	(1.635.215.267)
Số dư tại ngày 01/01/2017	250.000.000.000	(304.500.000)	3.191.307.712	2.735.198.142	255.622.005.854
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	14.915.553.817	14.915.553.817
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	-	(40.066.498)	40.066.498	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(62.069.642)	(62.069.642)
Mua cổ phiếu quỹ	-	(161.700.000)	-	-	(161.700.000)
Giảm khác	-	-	-	(289.174.000)	(289.174.000)
Số dư tại ngày 30/06/2017	250.000.000.000	(466.200.000)	3.151.241.214	17.339.574.815	270.024.616.029

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.19.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.977.800	24.985.500

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.19.3. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Nhóm công ty	14.915.553.817	10.838.073.092
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(1.971.207.679)	(1.090.355.482)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.944.346.138	9.747.717.610
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	24.982.891	25.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	518	390

(*) Là quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm trích căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 19 tháng 05 năm 2017 của Công ty và đã bao gồm thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

4.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Ngoại tệ các loại:		
USD	33.475,67	123.113,67
EUR	1.939,45	12.907,63

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu lữ hành	200.996.708.926	162.074.013.697
Doanh thu vé máy bay	56.574.827.381	53.272.331.024
Doanh thu nhà hàng, khách sạn	38.343.197.454	30.364.495.240
Doanh thu bán hàng hóa	30.039.887.988	24.516.333.566
Doanh thu cho thuê bất động sản	29.352.145.949	26.512.088.285
Cộng	355.306.767.698	296.739.261.812
Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 8	23.087.787.489	18.646.937.174

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản hoàn vé máy bay.

5.3. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn lữ hành	187.557.718.573	150.680.846.591
Giá vốn vé máy bay	52.656.694.722	49.237.703.132
Giá vốn nhà hàng, khách sạn	22.221.204.027	17.273.616.101
Giá vốn bán hàng hóa	28.786.967.133	23.272.795.843
Giá vốn cho thuê bất động sản	2.636.302.543	2.397.997.578
Cộng	293.858.886.998	242.862.959.245

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	984.970.122	224.182.024
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.052.048.077
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	262.749.614	211.179.479
Lãi chênh lệch tỷ giá	113.243.998	123.582.280
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	11.343.477
Cộng	1.360.963.734	1.622.335.337

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	1.135.113.306	962.316.089
Lỗ chênh lệch tỷ giá	105.477.261	156.012.802
Chi phí tài chính khác	-	695.787.376
Cộng	1.240.590.567	1.814.116.267

5.6. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	8.925.622.530	8.892.510.978
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.326.390.227	7.019.742.027
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.596.455.780	1.841.098.418
Chi phí bằng tiền khác	2.083.196.194	1.398.048.543
Cộng	19.931.664.731	19.151.399.966

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	9.735.278.532	8.977.323.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.272.557.585	10.131.536.843
Chi phí bằng tiền khác	7.778.277.856	1.427.032.306
Cộng	22.786.113.973	20.535.892.479

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.906.354.510	29.813.980.198
Chi phí nhân công	23.538.000.377	22.121.551.258
Chi phí khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	4.534.453.777	4.460.712.493
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.956.922.820	1.954.532.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	289.496.083.931	232.182.025.968
Cộng	356.431.815.415	290.532.802.333

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	18.488.744.057	13.230.493.961
Cộng: Các khoản điều chỉnh:		
Điều chỉnh lợi nhuận hợp nhất báo cáo tài chính	(3.029.153.335)	(310.358.376)
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.429.878.422	825.742.742
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh	16.889.469.144	13.745.878.327
Thu nhập được miễn thuế (Cổ tức và lợi nhuận được chia)	(623.232.112)	(1.783.773.980)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	16.266.237.032	11.962.104.347
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	3.253.247.406	2.392.420.869

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	39.999.764.300	31.626.078.504

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(49.501.947.260)	(18.510.935.060)

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý “Nhóm công ty” có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Thương mại;
- Lữ hành;
- Vé máy bay;
- Nhà hàng và khách sạn;
- Các dịch vụ khác.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

	Thương mại		Lữ hành		Vé máy bay		Nhà hàng khách sạn		Khác		Loại trừ		Cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu thuần														
Từ khách hàng bên ngoài	30.040	24.516	200.997	162.074	53.901	50.105	38.343	30.364	29.352	26.512	-	-	352.633	293.572
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	9.343	-	-	-	-	-	(9.343)	-	-	-
Cộng	30.040	24.516	200.997	162.074	63.244	50.105	38.343	30.364	29.352	26.512	(9.343)	-	352.633	293.572
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất														
Kết quả của bộ phận	1.253	1.244	13.439	11.393	1.244	867	16.122	13.091	26.716	24.114	-	-	58.774	50.709
Chi phí không phân bổ													42.718	39.687
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính													16.056	11.022
Thu nhập tài chính													3.831	3.465
Chi phí tài chính													1.241	1.814
Lợi nhuận khác													(158)	558
Lợi nhuận trước thuế													18.489	13.230
Thuế thu nhập doanh nghiệp													3.573	2.392
Lợi nhuận sau thuế													14.916	10.838

CÔNG TY CP DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH VÀ CÔNG TY CON82 – 84 Calmette, P. Nguyễn Thái Bình,
Quận 01, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**Các thông tin khác**

	Thương mại		Lữ hành và vé máy bay		Nhà hàng khách sạn		Các dịch vụ khác		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Tài sản của bộ phận	136	161	9.388	9.649	25.659	26.761	65.822	66.609	101.004	103.180
Tài sản không phân bổ									341.273	292.777
Tổng tài sản									442.277	395.957
Nợ phải trả của bộ phận	239	922	57.271	22.544	970	1.530	28.254	21.621	86.735	46.617
Nợ phải trả không phân bổ									85.518	93.719
Tổng nợ phải trả									172.253	140.335
									Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí mua sắm tài sản cố định trong kỳ									(1.598)	(3.552)
Chi phí khấu hao trong kỳ									4.534	4.461

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Nhóm Công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

	TP. Hồ Chí Minh		Hà Nội		Đà Nẵng		Cần Thơ		Loại trừ		Đơn vị tính: ngàn đồng Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu thuần												
Từ khách hàng bên ngoài	256.330	217.567	57.721	52.516	22.260	14.227	16.322	9.262	-	-	352.633	293.572
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	1.668	-	272	-	(1.940)	-	-	-
Cộng	256.330	217.567	57.721	52.516	23.928	14.227	16.594	9.262	(1.940)	-	352.633	293.572

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV
2. Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan
3. Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique
4. Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân
5. Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành
6. Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng
7. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
Công ty con
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu:		
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành	6.959.326.000	2.594.020.000
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	100.151.930	9.943.670
Cộng – Xem thêm mục 4.3	7.059.477.930	2.603.963.670
	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.4		
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	200.000	200.000
	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khác:		
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	339.224.370	339.224.370
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	-	1.624.988.000
Cộng – Xem thêm mục 4.5	339.224.370	1.964.212.370

(Xem trang tiếp Theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả người bán:		
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	-	(100.000.000)
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	-	(22.179.091)
Cộng – Xem thêm mục 4.12	-	(122.179.091)
	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng	-	(132.000.000)
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	(824.762.000)	-
Cộng – Xem thêm mục 4.13	(824.762.000)	(132.000.000)
	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả khác – Xem thêm mục 4.17		
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	-	(17.172.210)
Trong kỳ, Nhóm Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	619.736.582	2.276.969.972
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	340.909	6.545.455
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành	21.147.709.998	15.163.421.747
Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng	1.320.000.000	1.200.000.000
Cộng – Xem thêm mục 5.1	23.087.787.489	18.646.937.174

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua dịch vụ:		
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	-	43.282.931
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	182.585.474	281.148.214
Cộng	182.585.474	324.431.145

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Công ty được chi tiết như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	901.293.000	1.054.432.000

9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	221.280.000	173.224.000

10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	1.434.802.395	1.308.163.326

Tại ngày 30/06/2017, Nhóm công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Từ 1 năm trở xuống	2.869.604.790	2.869.604.790
Trên 1 năm đến 5 năm	11.478.419.159	11.478.419.159
Trên 5 năm	73.174.922.138	74.609.724.533
Cộng	87.522.946.087	88.957.748.482

11. CÔNG NỢ TIỀN TÀNG

Nhóm Công ty có thuê các mặt bằng của Nhà nước để kinh doanh dịch vụ và đang ghi nhận nghĩa vụ phải trả tiền thuê đất theo thông báo của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, theo Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2014 của UBND TP. Hồ Chí Minh về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của UBND TP. Hồ Chí Minh quy định về giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Minh áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 thì đơn giá thuê đất của các mặt bằng này tăng cao so với đơn giá thuê đất hiện tại. Trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, Nhóm Công ty chưa ghi nhận tiền thuê đất tăng thêm theo các quyết định nêu trên do Nhóm Công ty chưa nhận được thông báo từ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và do tính chất phức tạp của việc áp dụng các quyết định nên Ban Tổng Giám đốc cũng không thể xác định tiền thuê đất tăng thêm một cách đáng tin cậy.

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 21 tháng 07 năm 2017, Nhóm Công ty đã chuyển nhượng 55,56% phần vốn góp tại Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan cho Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Ấn Điện theo hợp đồng chuyển nhượng số 02/HĐCN-2017 ngày 03 tháng 01 năm 2017.



Vũ Đình Quân
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Kế toán trưởng

Đường Ngọc Hương
Người lập